CÔNG TY: CỔ PHẦN BẢN ĐỒ VÀ TRANH Ảnh GIÁO DỤC
Địa chỉ: 45 Hàng Chuối, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: 04.39713947 Fax: 04.39711404

Báo cáo tài chính
Quý I năm tài chính 2011

Mẫu số: Q-01d

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**27 417 590 566**	**29 750 490 161**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**1 596 270 208**	**8 177 096 620**
1. Tiền	111		596 270 208	5 177 096 620
2. Các khoản tương đương tiền	112		1 000 000 000	3 000 000 000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**16 038 184 029**	**12 557 635 035**
1. Phải thu khách hàng	131		14 274 154 603	13 010 944 007
2. Trả trước cho người bán	132		2 290 956 046	13 498 459
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		1 617 000	61 736 189
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(528,543,620)	(528,543,620)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**9 499 452 719**	**8 805 370 753**
1. Hàng tồn kho	141		10 576 036 896	9 881 954 930
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1,076,584,177)	(1,076,584,177)
V.Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**283 683 610**	**210 387 753**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		194 915 542	194 949 067
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1 168 068	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		87 600 000	15 438 686
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**1 038 210 765**	**781 274 721**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219			
II.Tài sản cố định	**220**		**725 739 427**	**780 410 164**
1. Tài sản cố định hữu hình	**221**		**725 739 427**	**780 410 164**
- Nguyên giá	222		2 891 900 811	2 880 110 811
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2,166,161,384)	(2,099,700,647)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	**224**			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	**227**			
- Nguyên giá	228		35 000 000	35 000 000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(35,000,000)	(35,000,000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	**240**			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**30 000 000**	
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258		30 000 000	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**282 471 338**	**864 557**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		282 471 338	864 557
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
VI. Lợi thế thương mại	**269**			

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**28 455 801 331**	**30 531 764 882**
NGUỒN VỐN			**28 455 801 331**	**30 531 764 882**
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**5 982 836 791**	**6 503 807 116**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**5 973 735 153**	**6 471 668 628**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312		4 657 555 944	3 795 893 289
3. Người mua trả tiền trước	313		149 625 931	92 521 531
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		406 623 130	1 094 716 559
5. Phải trả người lao động	315		179 016 624	1 248 926 113
6. Chi phí phải trả	316			
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		175 851 297	176 146 136
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		63 465 000	63 465 000
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		341 597 227	
II. Nợ dài hạn	**330**		**9 101 638**	**32 138 488**
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		9 101 638	32 138 488
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**22 472 964 540**	**24 027 957 766**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**22 472 964 540**	**24 027 957 766**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		18 600 000 000	18 600 000 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1 322 620 858	1 322 620 858
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		391 122 006	391 122 006
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2 159 221 676	3 714 214 902
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	**439**			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**28 455 801 331**	**30 531 764 882**
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG				
1. Tài sản thuê ngoài	01			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04			
5. Ngoại tệ các loại	05			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06			

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
Ngô Thị Hương Giang	Đặng Thị Như	Nguyễn Thị Hồng Loan

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm

Ngô Thị Hương Giang **Nguyễn Thị Hồng Loan**

Đặng Thị Như

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢN ĐỒ VÀ TRANH ẢNH GIÁO DỤC
Địa chỉ: 45 Hàng Chuối, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: 04.3971.947 Fax: 04.39711404

Báo cáo tài chính
Quý I năm tài chính 2011

Mẫu số: Q-02d

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ I NĂM 2011

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		8 022 159 140	5 919 841 241	8 022 159 140	5 919 841 241
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			1 632 480		1 632 480
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**		**8 022 159 140**	**5 918 208 761**	**8 022 159 140**	**5 918 208 761**
4. Giá vốn hàng bán	11		6 201 204 242	4 390 811 537	6 201 204 242	4 390 811 537
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	**20**		**1 820 954 898**	**1 527 397 224**	**1 820 954 898**	**1 527 397 224**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		75 929 228	122 431 726	75 929 228	122 431 726
7. Chi phí tài chính	22					
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	24		399 110 087	426 656 863	399 110 087	426 656 863
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		966 772 221	745 841 659	966 772 221	745 841 659
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22) - (24+25)}	**30**		**531 001 818**	**477 330 428**	**531 001 818**	**477 330 428**
11. Thu nhập khác	31			4 980 828		4 980 828
12. Chi phí khác	32			350 000		350 000
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	**40**			**4 630 828**		**4 630 828**
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45					
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	**50**		**531 001 818**	**481 961 256**	**531 001 818**	**481 961 256**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		132 750 455	120 490 314	132 750 455	120 490 314
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	**60**		**398 251 363**	**361 470 942**	**398 251 363**	**361 470 942**
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61					
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62					
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		214	194	214	194

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
Ngô Thị Hương Giang	Đặng Thị Như	Nguyễn Thị Hồng Loan

Ngô Thị Hương Giang

Đặng Thị Như

Nguyễn Thị Hồng Loan

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢN ĐỒ VÀ TRANH ẢNH GIÁO DỤC
Địa chỉ: 45 Hàng Chuối, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: 04.39713947 Fax: 04.398711404

Báo cáo tài chính
Quý I năm tài chính 2011

Mẫu số: Q-03d

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT - QUÝ I NĂM 2011

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		6 548 289 785	6 570 372 967
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(8,841,929,651)	(5,140,268,113)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1,580,804,116)	(1,338,061,996)
4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(526,322,864)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		164 678 986	210 593 019
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(948,518,220)	(730,886,598)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(5,184,606,080)**	**(428,250,721)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(41,790,000)	(84,819,546)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		75 929 228	122 431 726
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**34 139 228**	**37 612 180**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2.Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của DN đã PH	32			
3.Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4.Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5.Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1,430,359,560)	(2,202,357,600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(1,430,359,560)**	**(2,202,357,600)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**(6,580,826,412)**	**(2,592,996,141)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8 177 096 620	8 575 219 813

Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**		**1 596 270 208**	**5 982 223 672**

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
Ngô Thị Hương Giang	Đặng Thị Như	Nguyễn Thị Hồng Loan